TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST Ngày: 31 - 7 - 2018. V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hai.

Ông Nguyễn Văn Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thanh Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa: Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 55/2018/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2018 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ngọc D - sinh năm: 1979 (*có mặt*).
Địa chỉ: số 643A, ấp P, xã T, Thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.
Chổ ở hiện nay: số 214, Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn G - sinh năm: 1979 (*có mặt*).
Địa chỉ: số 643A, ấp P, xã T, Thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày*:** Chị D và anh G có tìm hiểu trong thời gian khoảng 1 - 2 tháng thì tổ chức đám cưới vào năm 2002 và đăng ký kết hôn ngày 31/12/2002 tại UBND Phường H, thành phố S. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2004 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh G luôn cấm đoán chị D mọi chuyện, nhiều lần kiếm chuyện gây gổ vô cớ, nói những lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm chị D

và gia đình chị D. Ngoài ra, anh G còn đánh chị D nên chị D đã nộp đơn xin ly hôn anh G nhưng vì thương con nên chị D và anh G hàn gắn tiếp tục chung sống. Đến năm 2017, mâu thuẫn gia đình càng trầm trọng hơn do anh G không sửa đổi, vẫn thường xuyên đánh đập chị D. Vào khoảng tháng 10 năm 2017 chị D có nộp đơn yêu cầu Công an xã T giải quyết về việc anh G gây thương tích cho chị D, từ tháng 10 năm 2017 đến nay chị D ly thân anh G, chị D về sống ở nhà mẹ ruột của chị D.

Nay nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn trở lại chung sống. Chị D yêu cầu ly hôn anh G.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H - sinh ngày: 17/11/2001, Nguyễn Còn Ngọc N - sinh ngày: 12/6/2005 và Nguyễn Hoài S - sinh ngày: 10/3/2012 (*hiện cháu H và S đang sống chung với chị D; cháu N đang sống chung với anh G*). Khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi 03 con chung; Chị D không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D không đồng ý để anh G nuôi cháu N với lý do là con gái ở với cha không tiện.

- Về tài sản chung: Chị D và anh G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị D xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn là anh Nguyễn Văn G trình bày*:** Anh G thống nhất theo lời trình bày của chị D về thời gian chung sống, tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, anh G tự thấy cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng chị D luôn cho rằng anh G sống gia trưởng, không tôn trọng vợ và gia đình vợ. Trước đây chị D có yêu cầu ly hôn anh G nhưng qua hòa giải động viên của Tòa án, vợ chồng đã đoàn tụ chung sống. Anh G thừa nhận khoảng tháng 10 năm 2017, anh G có đánh chị D và chị D bỏ về nhà mẹ ruột sống đến nay và không có liên lạc với anh G; anh G có đến nhà tìm chị D nhưng thái độ chị D lạnh nhạt, gia đình chị D không muốn đón tiếp anh G nên anh G chỉ đến một vài lần, sau đó không tìm chị D nữa. Anh G mong muốn hàn gắn gia đình nhưng chị D luôn có thái độ lạnh nhạt không cho anh G cơ hội để vợ chồng đoàn tụ, vợ chồng đã ly thân không còn sống hạnh phúc. Anh G còn thương chị D nhưng chị D kiên quyết ly hôn nên anh G đồng ý ly hôn chị D.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H - sinh ngày: 17/11/2001, Nguyễn Còn Ngọc N - sinh ngày: 12/6/2005 và Nguyễn Hoài S - sinh ngày: 10/3/2012 (*hiện cháu H và S đang sống chung với chị D; cháu N đang sống chung với anh G*). Khi ly hôn, anh G đồng ý để chị D nuôi cháu H và cháu S, anh G không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung. Anh G yêu cầu được nuôi cháu N vì hiện nay cháu N đang sống chung với anh G, anh G không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi cháu N theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Anh G và chị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh G xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 18/6/2018, cháu H và cháu N có ý kiến như sau: Trường hợp cha mẹ ly hôn thì 02 cháu (*H, N*) có nguyện vọng được sống với mẹ (*chị D*).

***Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa*:**

- Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D với anh G đã thực sự trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, chị D kiên quyết ly hôn, không đồng ý đoàn tụ chung sống với anh G nên anh G cũng đồng ý theo yêu cầu của chị D. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị D và anh G. Về con chung: Chị D được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H - sinh ngày: 17/11/2001 và Nguyễn Hoài S - sinh ngày: 10/3/2012; anh G có nghĩa vụ giao Nguyễn Còn Ngọc N - sinh ngày: 12/6/2005 cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi 03 con chung. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn G là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Văn G chung sống vợ chồng từ năm 2002, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2002 tại UBND Phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh G được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa chị D và anh G đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không còn phù hợp nhau. Chị D cho rằng anh G sống gia trưởng hay cấm đoán chị D trong cuộc sống, không tôn trọng chị D và gia đình chị D, còn có hành vi đánh đập chị D. Về phía anh G thừa nhận có đánh chị D và có lời lẽ xúc phạm gia đình chị D và hứa sửa đổi, tuy còn tình cảm với chị D nhưng anh G đã nhiều lần níu kéo mong muốn hàn gắn vợ chồng nhưng chị D kiên quyết ly hôn không đồng ý đoàn tụ; hiện vợ chồng vẫn đang

sống ly thân thì cuộc sống vợ chồng không thể có hạnh phúc nên anh G đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được …*".

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh G đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu chị D và anh G đoàn tụ tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay, chị D xác định là không còn tình cảm, không muốn hàn gắn, tiếp tục chung sống vợ chồng với anh G, chị D kiên quyết xin được ly hôn anh G; Về phía anh G cũng thừa nhận và xác định tại phiên tòa là bản thân anh G cũng nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng nhiều, không thể hàn gắn, anh G đồng ý ly hôn chị D. Do đó, chị D và anh G thuận tình ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận.

- *Về con chung*: Anh G đồng ý để chị D nuôi 02 con chung tên H và S, anh G không cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Riêng đối với cháu Nguyễn Còn Ngọc N - sinh ngày: 12/6/2005, cả anh G và chị D đều có nguyện vọng được nuôi cháu N, đồng thời cả hai cùng không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu N.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...*

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở...*".

Xét thấy: Anh G thừa nhận việc làm bột nuôi heo bận rộn nên anh G ít có thời gian lo cho cháu N, chủ yếu người trông nom, chăm sóc cho cháu N là bà nội. Ngoài ra, hằng ngày anh G không có thu nhập để lo cho gia đình, bản thân anh G còn phụ thuộc vào gia đình để nuôi cháu N, phải nhờ bà nội và người thân giúp đở về vật chất (*tiền bạc*); như vậy về điều kiện kinh tế anh G không đảm bảo việc nuôi cháu N được tốt. Anh G thừa nhận, sở dĩ anh G muốn được nuôi cháu N

là vì anh G cho rằng cháu N là con chung nên anh phải được nuôi 01 cháu nhưng chưa thật sự quan tâm, lo lắng cho con; đồng thời anh G cũng thừa nhận về điều kiện kinh tế cũng không đảm bảo nuôi dưỡng cháu N được tốt. Anh G cho rằng hiện cháu N đang học lớp 7 Trường Võ Thị Sáu, kết quả học tập tốt, nhà ở gần trường nên cháu N tự chạy xe đạp đi học được, anh G không phải đưa rước con đi học mỗi ngày còn nhà mẹ ruột chị D thì ở cách xa trường học sẽ làm ảnh hưởng đến việc học của cháu N nên anh G không đồng ý giao cháu N cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy về điều kiện kinh tế chị D làm nghề mua bán quần áo may sẵn, thu nhập khoảng 13.000.000 - 14.000.000 đồng/tháng và gia đình chị D có đủ khả năng bảo bọc, giúp đỡ chị D trong việc trông nom, chăm sóc các cháu. Mặc khác, vì cháu N là con gái nên cần có sự chăm sóc, nuôi dạy của mẹ sẽ tốt hơn; đồng thời nguyện vọng của cháu N cũng mong muốn được sống với mẹ. Trường hợp cháu N về sống với mẹ thì chị D vẫn để cháu N học trường cũ và ông ngoại sẽ đưa rước cháu đi học vì khoảng cách từ nhà ngoại cháu N đến trường học chỉ khoảng 04 km. Nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho cháu N trong sinh hoạt và học tập. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu N cho chị D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện tại của chị D và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho cháu N. Anh G có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chị D và anh G tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị D và anh G xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc D nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về hôn nhân gia đình*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Văn G thuận tình ly hôn.

2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Ngọc D được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H - sinh ngày: 17/11/2001, Nguyễn Còn Ngọc N - sinh ngày: 12/6/2005 và Nguyễn Hoài S- sinh ngày: 10/3/2012 (*hiện cháu H và S đang sống chung với chị D; cháu N đang sống chung với anh G*).

- Chị Nguyễn Thị Ngọc D không yêu cầu anh Nguyễn Văn G cấp dưỡng nuôi con chung.

- Anh Nguyễn Văn G có trách nhiệm giao con chung tên Nguyễn Còn Ngọc N - sinh ngày: 12/6/2005 cho chị Nguyễn Thị Ngọc D nuôi dưỡng.

- Anh Nguyễn Văn G có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc 03 con chung, không ai được cản trở.

3. V*ề tài sản chung*: Chị D và anh G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Không có.

5. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Ngọc D nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về hôn nhân gia đình*); được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000982 ngày 07/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*ký tên, ghi rõ họ tên*)	(*ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

Nguyễn Văn Hai - Nguyễn Văn Minh Trần Quốc Danh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND Phường 2, TP Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

Trần Quốc Danh